TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 12/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Út Sang Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên toà: Vụ án không thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:17/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Ph - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đông X, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày*:*

Ngày 06/5/2021 Ông Nguyễn Đông X ký hợp đồng tín dụng số HDTD79A202100086 vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt số tiền là 300.000.000 đồng; lãi suất cho vay 11%/ năm (được điều chỉnh 03 tháng 1 lần), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Mục đích vay là để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 08/5/2021 – 07/05/2022); Kỳ hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi chia làm 02 kỳ vào ngày 10 (kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2021). Trong quá trình vay ông X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 11/4/2023 Ông Nguyễn Đông X đã quá hạn thanh toán 339 ngày. Số tiền ông X còn nợ Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng này là 341.637.817 đồng (trong đó nợ vay gốc 296.317.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.147.242 đồng, lãi gốc quá hạn là 42.982.025 đồng, nợ lãi của số tiền lãi chậm trả là 191.550 đồng); Ngoài khoản vay trên, ông X còn nợ một khoản vay qua thẻ tín dụng là 9.733.407 đồng (dư nợ gốc là 6.949.368 đồng, nợ lãi là 2.784.039 đồng). Tổng cộng ông X còn nợ Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 11/4/2023 là 351.371.224 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên gồm:

- Quyền sử dụng đất số BV 107799 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, tổng diện tích 11.643,6 m^2; thửa đất số 324, 325 và 326, tờ bản đồ số 23; tọa lạc tại ấp Minh Thoại, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang;

- Quyền sử dụng đất số BV 107800 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, có diện tích 656,0 m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 23; tọa lạc tại ấp Minh Thoại, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Ông Nguyễn Đông X phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay còn nợ (tính đến ngày 11/4/2023) là 351.371.224 đồng (ba trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Bị đơn Ông Nguyễn Đông X trình bày: Ông X thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng và đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 351.371.224 đồng trong thời gian 18 tháng. Ông X đã ly hôn vợ từ lâu, số nợ này là do ông X tự vay (có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 53/2021/UBND-XNTTHN ngày 06/4/3021 của UBND xã Minh Thuận).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP B với bị đơn Ông Nguyễn Đông X là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Cụ thể, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Đông X phải trả số tiền vay của 02 hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 11/4/2023) là 351.371.224 đồng (ba trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn Phường yêu cầu Ông Nguyễn Đông X phải trả số tiền vay là 351.371.224 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 12/4/2023 cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

Bị đơn Ông Nguyễn Đông X thừa nhận ngày 06/05/2021 ông X có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 300.000.000 đồng và một khoản vay khác qua thẻ tín dụng với số tiền gốc và lãi còn nợ lại tính đến ngày 11/4/2023 là 9.733.407 đồng. Tổng cộng ông X còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là 351.371.224 đồng. Ông X đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền trên, nhưng hiện tại ông X đang gặp khó khăn vì vậy xin được trả nợ trong thời gian 18 tháng.

Xét việc ông X thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP B, đến ngày 11/4/2023 đã quá hạn thanh thoán 339 ngày nhưng ông X chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền 351.371.224 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông X trả nợ vay với số tiền 351.371.224 đồng là có căn cứ.

Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa, ông X yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho ông X được trả nợ trong thời gian 18 tháng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với thời gian trả nợ theo yêu cầu của ông X, Ngân hàng chỉ đồng ý cho ông X trả nợ trong thời gian 03 tháng, nếu ông X không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Xét ý kiến trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ*

trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Do đó, việc ông X xin được trả nợ cho Ngân hàng trong thời gian 18 tháng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc Ông Nguyễn Đông X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B các khoản vay (tính đến ngày 11/4/2023) cụ thể như sau:

Số tiền vay gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số HDTD79A202100086 là 341.637.817 đồng.

Số tiền vay qua thẻ tín dụng là 9.733.407 đồng.

Tổng cộng số tiền vay gốc và lãi ông X phải trả cho Ngân hàng là 351.371.224 đồng.

[3]. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đông X phải chịu tiền án phí là 351.371.224 đồng x 5% = 17.569.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Trước đó, ngày 27/3/2023 Ông Nguyễn Đông X có đơn xin miễn án phí do đang gặp khó khăn vì sự kiện bất khả kháng dẫn đến không còn tài sản để nộp án phí, ngoài ra ông X là con của Liệt sĩ được UBND xã An Minh Bắc xác nhận. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho Ông Nguyễn Đông X.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005817 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn Ông Nguyễn Đông X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Ông Nguyễn Đông X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 12/4/2023 là 351.371.224 đồng (ba trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng), cụ thể

từng khoản vay như sau:

+ Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD79A202100086 ngày 06/5/2021 là 341.637.817 đồng (trong đó nợ vay gốc là 296.317.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.147.242 đồng, nợ lãi gốc quá hạn là 42.982.025 đồng; nợ lãi của số tiền lãi chậm trả là 191.550 đồng);

+ Số tiền vay qua thẻ tín dụng là 9.733.407 đồng (trong đó dư nợ gốc là 6.949.368 đồng, nợ lãi là 2.784.039 đồng)

Ngoài số tiền trên (351.371.224 đồng), Ông Nguyễn Đông X còn phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/4/2023 cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP B mà Ông Nguyễn Đông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo bản án thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên phát mãi tài sản đảm bảo của Ông Nguyễn Đông X đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ, gồm có:

- Quyền sử dụng đất số BV 107799 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, tổng diện tích 11.643,6 m^2; thửa đất số 324, 325 và 326, tờ bản đồ số 23; tọa lạc tại ấp Minh Thoại, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang;

- Quyền sử dụng đất số BV 107800 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, có diện tích 656,0 m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 23; tọa lạc tại ấp Minh Thoại, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Sau khi Ông Nguyễn Đông X trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B có trách nhiệm trả lại cho Ông Nguyễn Đông X các tài sản thế chấp là: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 107799 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, tổng diện tích 11.643,6 m^2; Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV107800 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho Ông Nguyễn Đông X ngày 26/2/2015, có diện tích 656,0 m^2; (trừ trường hợp tài sản đảm bảo bị phát mãi để thu hồi nợ).

5. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đông X phải chịu tiền án phí là 17.569.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Ngày 27/3/2023 ông X có đơn xin miễn tiền án phí do ông X là con của Liệt sĩ, được UBND xã An Minh Bắc xác nhận. Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho Ông Nguyễn Đông X (Ông Nguyễn Đông X không phải nộp tiền án

phí)

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005817 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh